

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯƠNG MỸ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **47/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 19-02-2020

V/v: “*Ly hôn, nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Long**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Ngọc Quý**

Bà **Nguyễn Thị Luận**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Long** - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Ly** - Kiểm sát viên.

Trong ngày **19** tháng **02** năm **2020**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số **05/2020/TLST-HNGĐ** ngày **02/01/2020**. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **08/2020/QĐXXST-HNGĐ** ngày **10** tháng **02** năm **2020** và Quyết định hoãn phiên tòa số **07/2020/QĐHPTST-HNGĐ** ngày **14** tháng **02** năm **2020** giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **NTLA**, sinh năm **1995**.

Nơi đăng ký HKTT: huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội.

Cư trú tại: huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội.

*** Bị đơn:** Anh **NĐK**, sinh năm **1991**.

Nơi đăng ký HKTT và cư trú: huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa:

Chị **NTLA** - Có mặt.

Anh **NĐK** - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn - chị NTLA trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh NĐK kết hôn năm 2018 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LĐ, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình nhà anh K. Trong quá trình chung sống, giữa chị và anh K không hợp nhau nên không tìm được tiếng nói chung và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã ly thân từ tháng 9/2019 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Nay chị nhận thấy tình cảm không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K để cả hai ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh NĐK có 01 con chung là cháu NNKN sinh ngày 05/01/2019, hiện cháu đang ở cùng chị. Ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cháu NNKN và không yêu cầu anh K cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị và anh NĐK không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

** Tại bản tự khai, bị đơn - anh NĐK trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị NTLA kết hôn năm 2018 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LĐ, huyện Chương Mỹ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với gia đình anh tại huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống, hai vợ chồng chung sống bình thường, không có mâu thuẫn gì, chỉ có vài xích mích nhỏ trong cuộc sống, anh không nặng lời hay đánh đập chị LA. Đến ngày 02/9/2019, gia đình chị LA có việc nhưng không báo với anh mà chỉ báo cho chị LA nên anh không đến. Sau đó giữa anh và chị LA cãi nhau và chị LA bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Khi chị LA về nhà bố mẹ đẻ ở, anh cũng lên nhà chị LA nói chuyện và thăm con nhiều lần và có khuyên chị LA về đoàn tụ nhưng chị LA không đồng ý. Nay chị LA xin ly hôn với anh thì anh thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa lớn và con chung còn nhỏ nên anh không đồng ý ly hôn để vợ chồng có cơ hội sửa sai. Nếu chị LA cương quyết xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị NTLA có 01 con chung là NNKN, sinh ngày 05/01/2019. Nếu phải ly hôn, anh K đồng ý để chị LA nuôi con chung và anh không cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: Anh không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị NTLA giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh NĐK; chị LA giữ nguyên nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu NNKN, sinh ngày 05/01/2019 và không

yêu cầu anh K cấp dưỡng tiền nuôi con chung; về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị LA không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các đương sự: Chị NTLA đã chấp hành đúng qui định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án, anh NĐK chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị NTLA và cho chị LA được ly hôn anh NĐK; *Về con chung:* Đề nghị giao cháu NNKN, sinh ngày 05/01/2019 cho chị LA nuôi dưỡng cho đến khi cháu KN tròn 18 tuổi. Anh NĐK không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung; *về tài sản chung, công nợ, công sức:* Không xem xét; *Về án phí:* Chị LA phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh NĐK hiện cư trú tại huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Về sự vắng mặt của anh NĐK: Anh NĐK đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và anh K đã có bản tự khai trình bày quan điểm của mình nên việc vắng mặt tại phiên tòa của anh K không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 28 Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh NĐK.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị NTLA và anh NĐK kết hôn năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LĐ, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội ngày 18/5/2018 nên hôn nhân giữa chị LA và anh K là hợp pháp. Quá trình chung sống, theo

chị LA thì giữa vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên mâu thuẫn, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại huyện Chương Mỹ và vợ chồng đã ly thân từ tháng 9/2019 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Anh NĐK cho rằng quá trình chung sống, vợ chồng chung sống bình thường, không có mâu thuẫn gì, chỉ có vài xích mích nhỏ trong cuộc sống nên anh K không muốn ly hôn, nhưng nếu chị LA cương quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Nhận thấy: Chị LA và anh K đã ly thân một thời gian, giữa chị LA và anh K không tự đưa ra được phương án cải thiện tình cảm vợ chồng. Xét thấy: Tình cảm vợ chồng để cùng nhau xây dựng hạnh phúc cần có sự mong muốn đoàn tụ từ hai phía (chị LA + anh K), nay chị LA không đồng ý đoàn tụ mà cương quyết xin ly hôn nên cần xác định mâu thuẫn giữa chị LA và anh K là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị LA và cho chị LA được ly hôn anh K để cả hai ổn định cuộc sống.

[2.2] Về con chung: Chị NTLA và anh NĐK có 01 con chung là cháu NNKN, sinh ngày 05/01/2019. Hiện cháu Khánh Ngân đang sống cùng chị LA. Ly hôn, chị LA có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu NNKN. Xét thấy, cháu Khánh Ngân, sinh ngày 05/01/2019 chưa đủ 36 tháng tuổi nên quyền nuôi dưỡng con chung thuộc về người mẹ là chị LA nên cần chấp nhận nguyện vọng của chị LA và giao cháu NNKN cho chị LA trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Khánh Ngân đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Anh NĐK có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị NTLA không yêu cầu anh NĐK cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét đây là sự tự nguyện của chị LA nên cần ghi nhận sự tự nguyện của chị LA. Anh NĐK không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, tạm hoãn việc cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh K cho đến khi các bên có yêu cầu.

[2.4] Về tài sản chung, công sức, công nợ chung: Chị NTLA và anh NĐK không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.5] Về án phí: Chị NTLA phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Chị NTLA được ly hôn anh NĐK.

2. Về con chung: Chị NTLA và anh NĐK có 01 con chung là cháu NNKN, sinh ngày 05/01/2019.

Giao cháu NNKN, sinh ngày 05/01/2019 cho chị NTLA trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu NNKN đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác.

Anh NĐK có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Anh NĐK không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, tạm hoãn việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh NĐK cho đến khi các bên có yêu cầu.

4. Về tài sản, công nợ chung, công sức: Không xem xét.

5. Về án phí: Chị NTLA phải chịu **300.000** đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Chị NTLA đã nộp **300.000** đồng (*theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0004479 ngày 26 tháng 12 năm 2019*) tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, chị NTLA có quyền kháng cáo trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày tuyên án. Anh NĐK có quyền kháng cáo trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi của trú.

Nơi nhận:

- TAND tp Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ,
- CC.THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND xã LĐ, huyện Chương Mỹ
- Các đương sự;
- Lưu HSVA/VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hoàng Long

